

# Phân tích lỗi sai của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung ở Trường Đại học Hải Phòng khi sử dụng Lượng từ trong tiếng Trung

Ngô Thị Thu Trang

GV Trường Đại học Hải Phòng

Received: 7/4/2024; Accepted: 11/4/2024; Published: 15/4/2024

**Abstract:** *Quantifiers in the modern Chinese system play an important role, mastering quantifiers has a great influence on the use and understanding of related Chinese structures. For Chinese learners whose mother tongue does not have the category of quantifiers, the concept of quantifiers in Chinese is an extremely new linguistic phenomenon.*

**Keyword:** *Quantity of words, language, Hai Phong University*

## 1. Đặt vấn đề

Lượng từ (LT) trong hệ thống tiếng Hán hiện đại chiếm vai trò quan trọng, việc nắm vững LT có ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng và hiểu các cấu trúc tiếng Hán có liên quan. Đối với người học tiếng Hán mà tiếng mẹ đẻ không có phạm trù LT, thì khái niệm LT trong tiếng Trung là hiện tượng ngôn ngữ vô cùng mới mẻ. Cho dù một số sinh viên (SV) trong tiếng mẹ đẻ có tồn tại phạm trù LT, nhưng hệ thống LT trong tiếng mẹ đẻ và tiếng Hán có sự khác biệt rất lớn, vì thế mà việc dạy và học LT luôn là điểm khó trong việc dạy tiếng Hán là ngôn ngữ thứ 2.

Cho đến hiện nay, những nghiên cứu về LT vẫn còn tồn tại hiện tượng không cân bằng: những nghiên cứu về lý thuyết nhiều, tính ứng dụng chưa cao, tính miêu tả nhiều, tính giải thích chưa cao, những nghiên cứu phân tích lỗi sai của LT càng ít. Tác giả khi đọc những bài viết của SV Việt Nam tại trường khi sử dụng lượng từ tiếng Hán xuất hiện rất nhiều lỗi sai, những lỗi sai ấy chủ yếu là danh lượng từ; nên tác giả cảm thấy rất hứng thú với vấn đề này.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Dữ liệu trong bài viết sử dụng chủ yếu lấy từ bài viết trong môn kỹ năng viết 3 của SV Trường ĐHHP năm thứ 3, tổng 148 bài viết, 78144 chữ. Tác giả thu thập được 297 LT viết sai. Để thuận tiện cho người đọc, những câu ví dụ trong bài viết, ngoài những lỗi sai về LT, những lỗi sai khác đã được sửa.

### 2.1. Phân tích loại hình lỗi sai

SV học tiếng Hán tại Trường ĐHHP khi sử dụng LT chủ yếu mắc các lỗi sau:

#### 2.1.1. Dùng nhầm lẫn

Dùng nhầm lẫn là dùng nên dùng LT này nhưng

SV lại dùng lượng từ khác, tác giả tìm ra 142 câu, chiếm 47.8% tổng số lỗi sai trong tài liệu thu thập được. Ví dụ:

1. 你奶奶变成了一个黄莺了。
2. 我很快地抱了他一个。
3. 晚上儿子点火时就把那条纸拿出来烧了。
4. 各个都叮嘱我要好好学习，注意身体。
5. 他平时穿得很朴实，只是一条衬衫，一条布裤子和一副凉鞋

Ví dụ 1 “一个黄莺” nên sửa thành “一只黄莺” bởi vì động vật thì thường không dùng lượng từ “个”, đối với động vật nhỏ thường hay dùng lượng từ “只”. Trong ví dụ 2 “一个” nên sửa thành “一下” vì “下” ở đây là động lượng từ nên SV không biết dùng. Ví dụ 3 “那条纸” nên sửa thành “那张纸”, bởi vì “条” thường chỉ dùng cho những sự vật hoặc động vật có hình dạng dài. Giấy là mặt phẳng có thể mở ra được, đóng lại được và gấp lại được, nên dùng lượng từ “张”. Ví dụ 4 “各个” nên sửa thành “个个”, ở đây lượng từ lặp lại biểu thị “toàn bộ”, “tất cả”. Ví dụ 5 “一副凉鞋” nên đổi thành “一双凉鞋”, bởi vì dùng cho những đồ vật sử dụng thành cặp thì phải dùng lượng từ “双”. Hai lượng từ này ý nghĩa gần nhau, SV rất dễ mắc lỗi sai.

Dùng nhầm lẫn là loại hình lỗi sai SV mắc lỗi nhiều nhất, đồng thời lỗi sai chủ yếu tập trung trên 2 phương diện: danh lượng từ và động LT.

#### 2.1.2. Dùng thiếu lượng từ

Dùng thiếu LT là những chỗ cần dùng LT lại không dùng LT. Dùng thiếu LT cũng là lỗi sai thường gặp của SV Việt Nam, tổng 92 câu, chiếm 30,9%. Ví dụ:

6. 在门口看到一钉子

7. 虽然只跟他们一起生活一时间，但他们有很多美好的回忆。

8. 手里提了两好酒。

9. 有九象牙的大象。

Trong ví dụ 6 sau số từ “一” nên dùng lượng từ “个”，bởi vì trong tiếng Hán hiện đại, sau số từ không được dùng trực tiếp danh từ, số từ kết hợp với LT mới có thể bổ sung ý nghĩa được cho danh từ. Cũng giống như vậy giữa “一时间” nên thêm lượng từ “段”. Trong ví dụ 8 sau “两” nên dùng thêm LT “瓶”. Trong ví dụ 9 sau “九” nên dùng LT “颗” hoặc “个”.

Trong lỗi sai dùng thiếu LT chủ yếu xuất hiện ở danh LT, động LT hầu như không xuất hiện lỗi sai này. Điều này là do khi dùng động từ kết hợp với động LT thì thường không có thành phần khác cho nên SV Việt Nam thường mắc lỗi sai này.

Dùng thừa LT

Dùng thừa LT là trường hợp không cần dùng LT mà SV lại cho thêm LT. Trong 297 câu, tìm thấy 39 câu dùng thừa LT, chiếm 13.1%. Ví dụ:

14. 照片里我们三个姐妹带着十分自然天真的笑容。

15. 他跟富翁的女儿一起，过着一个幸福美满的生活。

16. 今天对我来说是一个值得纪念的。

17. 我一辈子也忘不了那个节课和教我写课程老师的形象。

Trong ví dụ 14, “三个姐妹” nên sửa thành “三姐妹” bởi vì trong tiếng Hán tuy số từ không thể kết hợp trực tiếp với danh từ, giữa số từ và danh từ phải có LT nhưng cũng có trường hợp ngoại lệ, khi sau số từ là danh từ liệt kê biểu thị quan hệ thân thuộc như bố mẹ con cái và anh chị em thì giữa số từ và danh từ không cần thêm LT, trực tiếp dùng lượng từ vào sau số từ. Trong ví dụ 15 bỏ lượng từ “一个”. Ví dụ 16 nên sửa thành “今天对我来说是值得纪念的”. Ví dụ 17 “那个节课” nên sửa thành “那节课” vì trong tiếng Hán ngoài một số phức lượng từ “人次, 架次”, những LT khác không thể dùng cùng nhau.

### 2.1.3. Dùng sai trật tự LT

Dùng sai trật tự lượng từ là chỉ LT đặt không đúng vị trí trong câu. Lỗi sai này thường ít gặp, đa phần là số từ và đại từ chỉ thị dùng cùng nhau đặt sai vị trí. Sự đảo lộn giữa LT với số từ hoặc đại từ chỉ thị, lỗi sai này chiếm 8,2 %.

18. 妈妈临走时用一点很少的时间嘱咐我要注意身体。

19. 因为我家离河内较远所以我要去早一天。

20. 他看一眼朝。

## 2.2. Nguyên nhân sử dụng sai LT

### 2.2.1. Ảnh hưởng của tiếng Việt

Tiếng Trung có LT phong phú. Ví dụ: con, cái, chiếc, cân, đàn, làn. LT của tiếng Việt cách dùng và ý nghĩa không hoàn toàn giống với LT tiếng Hán. Ví dụ “cái” của tiếng Việt tương đương với ý nghĩa của “”, “con” tương đương ý nghĩa “”. Trong tiếng Việt, “cái” là LT mang tính ứng dụng cao, hầu như những sự vật không có LT cố định đều có thể dùng “cái” làm LT, ví dụ “một cái bàn”, “một cái ghế” “một cái chai” “một cái đồng hồ”, ngay cả những từ có lượng từ cố định cũng có thể dùng “cái” để thay thế, ví dụ: “một cây bút”, “một ngôi nhà”. LT “” có thể dùng LT “cái” của tiếng Việt. Đây là nguyên nhân mà SV Việt Nam hay lạm dụng LT “个” của tiếng Trung. Trong tiếng Việt, LT chỉ con vật đều dùng “con”, ví dụ: “một con lợn”(一头猪), “hai con gà”(两只鸡), “ba con cá”(三条鱼). Ngoài động vật ra, một số ít các danh từ có thể dùng LT con “một con sông” “một con đường” “một con dao” “một con thuyền”. Đây khả năng là nguyên nhân SV Việt Nam hay dùng nhầm LT “只”.

Ngoài ra, trong tiếng Việt, giữa số từ và danh từ có thể dùng LT hoặc có thể không dùng LT, đặc biệt khi thống kê không dùng LT, ý nghĩa biểu đạt khi dùng và không dùng LT không có sự khác biệt. Ví dụ: Tiếng Trung “一张桌子”,

### 2.2.2. Không nắm vững kiến thức tiếng Trung

LT tiếng Trung rất phong phú, mà LT cho các đồ vật rất phức tạp, ví dụ dùng cho các đồ đạc có 11 LT, 11 LT này dùng cho các đồ vật khác nhau, nhưng LT “ge” phạm vi sử dụng khá rộng, cũng có thể dùng cho những sự vật không có LT chuyên dụng, còn có thể dùng cho người, SV Việt Nam nhầm lẫn đây là LT vạn năng, đồ vật gì cũng có thể dùng được lượng từ này. Vì vậy thường xuyên lạm dụng LT “ge”. Ngoài ra số từ trong tiếng Hán thường không thể trực tiếp tu sức cho tính từ, phải thêm LT mới có thể bổ nghĩa cho danh từ chính là kết cấu “số từ+ lượng từ+ danh từ”, đây chính là quy luật, nhưng quy luật này không phải sử dụng trong tất cả các tình huống. Khi số từ kết hợp với các từ chỉ quan hệ huyết thống như “bố con” “mẹ con” “chị em” thì ở giữa không thể thêm LT. Nhưng SV Việt Nam vì kiến thức về LT tiếng Trung có hạn, cho rằng tất cả số từ phải thêm LT vào phía sau mới có thể bổ nghĩa cho danh từ, vì vậy mới xuất hiện lỗi sai như “我们两个母女一起去超市买东西”.

### 2.2.3. PP học tập, PP giao tiếp không đúng cách

Người học là chủ thể của việc học tập và giao tiếp ngôn ngữ, trong quá trình học tập và vận dụng ngôn ngữ, thường xuyên chủ động và tích cực trong quá trình học tập, để khắc phục khó khăn sẽ có những giải pháp tương ứng, chính là kế hoạch học tập và giao tiếp. Nguyên nhân tạo nên những lỗi sai chủ yếu do phức tạp hóa hoặc đơn giản hóa quá mức, sự vận dụng từ tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ thứ 2. Điều này chủ yếu thể hiện khi dùng LT “个” và “只”.

Phương diện biên soạn giáo trình

Các giáo trình giảng dạy tiếng Trung hiện hành nên sửa đổi khi giảng dạy lượng từ, chủ yếu trên phương diện giải thích, thông thường chỉ có LT, phiên âm, từ tính, nhiều nhất thì có thêm phần giới thiệu một cách đơn giản, ví dụ trong “Giáo trình Hán ngữ”, giải thích lượng từ “辆” như sau: “辆”/量/liàng, không hề có giải thích khác. SV sau khi học xong chỉ biết “辆” là một LT, nhưng LT này kết hợp với danh từ nào, sử dụng thế nào thì không hề giải thích, cho nên khi sử dụng SV khó tránh khỏi việc nhầm lẫn và mắc lỗi sai. Ngoài ra, trong tiếng Trung còn rất nhiều LT dễ nhầm lẫn, trong giáo trình cũng xuất hiện rất nhiều LT dễ nhầm lẫn, mà không tiến hành phân tích so sánh các LT đó, trong vận dụng và các kì thi trình độ tiếng Trung, phân biệt lượng từ là một trọng điểm, và cũng là một điểm khó. Ví dụ “幅/副” “双/对” “颗/棵” “遍/次/回/趟”. Những LT này đều rất dễ nhầm lẫn, mà trong giáo trình không tiến hành phân tích so sánh chúng. Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng khiến SV sử dụng sai LT.

### 2.3. Một số kiến nghị trong việc giảng dạy LT tiếng Trung cho SV Việt Nam

Mục đích của việc phân tích lỗi sai là thông qua việc người học học ngôn ngữ thứ 2, tìm hiểu quy trình và quy luật người học tiếp nhận ngôn ngữ đó, từ đó tiến hành dạy học theo trọng điểm để nâng cao hiệu quả học tập của người học. Thông qua những phân tích nêu trên, tác giả xin đưa ra một vài kiến nghị trong việc dạy học lượng từ cho SV Việt Nam đặc biệt là SV ngành ngôn ngữ Trung Trường ĐHHP.

#### 2.3.1. Giảng dạy theo PP trọng điểm

Phân tích nêu trên chúng ta có thể thấy SV mắc lỗi sai khi sử dụng LT trên ba phương diện: một là nhầm lẫn khi sử dụng, hai là dùng sót lượng từ, ba là dùng sai những LT gần nghĩa. Vì vậy khi tiến hành giảng dạy LT cho SV, nhất định phải tiến hành giảng dạy trọng điểm theo 3 phương diện này. Ví dụ LT “

个” và LT “只” dùng sai chủ yếu do sự ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ. Vì vậy mà khi giảng dạy chúng ta có thể tiến hành PP so sánh với tiếng Việt để giảng dạy. Về vấn đề dùng thiếu LT, cũng chủ yếu do ảnh hưởng của tiếng Việt, vì thế trong giảng dạy cũng phải nhấn mạnh rõ kết cấu “số từ+ lượng từ+ danh từ”, nhưng cũng cần nói rõ những trường hợp không cần sử dụng LT, để tránh mắc lỗi sai. Đối với những LT gần nghĩa, thì chúng ta phải tiến hành phân tích, đưa ra nhiều ví dụ để phân biệt, phải luyện tập nhiều, điều này sẽ giúp SV ít mắc lỗi.

#### 2.3.2 Tiến hành nghiên cứu so sánh LT tiếng Việt và tiếng Trung

Tiếng Việt và tiếng Trung là hai ngôn ngữ có LT phong phú, chúng ta có thể vận dụng điểm tương đồng về LT của hai ngôn ngữ để tiến hành dạy học, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy, đồng thời cũng vận dụng những điểm khác nhau, tìm ra điểm khó trong việc học LT tiếng Trung của SV giúp SV tránh mắc lỗi khi sử dụng. Vì vậy, tăng cường so sánh giữa hai ngôn ngữ, sử dụng PP dạy học linh hoạt, là một trong những PP hiệu quả để giảng dạy lượng từ tiếng Trung cho SV Việt Nam.

#### 2.3.3 Biên soạn giáo trình dễ hiểu, nâng cao chất lượng dạy học

Hiện nay đại bộ phận giáo trình giảng dạy tiếng Trung đều hướng đến đối tượng là SV nước ngoài, mà SV mỗi nước lại có ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ khác nhau, vì thế nếu có giáo trình Hán ngữ biên soạn cho SV từng quốc gia thì hiệu quả dạy học sẽ nâng cao. Ngoài ra, trong các giáo trình hiện nay, sự sắp xếp về kiến thức LT còn tản mạn, cách dùng và quy tắc dùng chưa được chú ý, một số lượng từ quan trọng tần suất xuất hiện lại chưa cao. Vì vậy, việc tích cực cải tiến biên soạn giáo trình, có tác dụng lớn trong việc nâng cao hiệu quả dạy học.

### 3. Kết luận

Thông qua phân tích nêu trên, chúng ta có thể có một cách nhìn tổng thể về SV ngành Ngôn ngữ Trung Trường ĐHHP khi sử dụng LT tiếng Trung. GV trong quá trình giảng dạy LT tiếng Trung cần linh hoạt áp dụng các PP giảng dạy để giúp người học tránh mắc lỗi sai khi sử dụng LT tiếng Trung.

#### Tài liệu tham khảo

- 房玉清(1992).实用汉语语法. 北京语言出版社.  
龙伟华(2004).汉泰量词比较研究. 云南师范大学硕士学位论文.  
林霞(2004).对外汉语教学中的量词研究. 华中科技大学硕士学位论文.